

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST

Ngày: 15 - 7 - 2022

V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Lan

Thư ký phiên tòa: Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 15/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST - DS ngày 06/5/2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST - DS ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L T P T, sinh năm 1968

Địa chỉ: 680 ấp Nhơn Thuận, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà N T M, sinh năm 1982 và ông H T T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(Bà Tâm có mặt; bà My và ông Thanh vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và tại phiên Tòa nguyên đơn bà L T P T trình bày yêu cầu khởi kiện: Năm 2021 bà Tâm cho ông Thanh và bà My là vợ chồng vay nhiều lần với mục đích mua bán lúa, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 20/4/2021, bà Tâm cho ông Thanh và bà My vay 33.970.000đ, thời hạn vay 08 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ ông Thanh và bà My không trả gốc và lãi cho bà Tâm nên bà Tâm khởi kiện yêu

cầu Tòa án buộc ông Thanh và bà My liên đới trả 33.970.000đ gốc và lãi suất tính từ 30/4/2021 đến 30/6/2022 là 14 tháng với mức lãi suất 0,8%/tháng, thành tiền 3.804.640đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Tâm yêu cầu ông Thanh và bà My trả cho bà Tâm là 37.774.640đ.

Lần thứ hai: Ngày 26/4/2021, bà Tâm cho ông Thanh và bà My vay 250.000.000đ, thời hạn vay 03 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ ông Thanh và bà My không trả gốc và lãi cho bà Tâm nên bà Tâm khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Thanh và bà My liên đới trả 250.000.000đ gốc và lãi suất tính từ 30/4/2021 đến 30/6/2022 là 14 tháng với mức lãi suất 0,8%/tháng, thành tiền 28.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Tâm yêu cầu ông Thanh và bà My trả cho bà Tâm là 278.000.000đ.

Lần thứ ba: Cũng trong ngày 26/4/2021, bà Tâm cho ông Thanh và bà My vay 250.000.000đ, thời hạn vay 3 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ ông Thanh và bà My không trả gốc và lãi cho bà Tâm nên bà Tâm khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Thanh và bà My liên đới trả 250.000.000đ gốc và lãi suất tính từ 30/4/2021 đến 30/6/2022 là 14 tháng với mức lãi suất 0,8%/tháng, thành tiền 28.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Tâm yêu cầu ông Thanh và bà My trả cho bà Tâm là 278.000.000đ.

Lần thứ tư: Cũng trong ngày 26/4/2021, bà Tâm cho ông Thanh và bà My vay 390.000.000đ, thời hạn vay 3 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ ông Thanh và bà My không trả gốc và lãi cho bà Tâm nên bà Tâm khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Thanh và bà My liên đới trả 390.000.000đ gốc và lãi suất tính từ 30/4/2021 đến 30/6/2022 là 14 tháng với mức lãi suất 0,8%/tháng, thành tiền 43.680.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Tâm yêu cầu ông Thanh và bà My trả cho bà Tâm là 433.680.000đ.

Như vậy, tiền gốc của bốn lần vay 33.970.000đ + 250.000.000đ + 250.000.000đ + 390.000.000đ = 923.970.000đ; tiền lãi của bốn lần vay 3.804.640đ + 28.000.000đ + 28.000.000đ + 43.680.000đ = 103.484.640. Tổng cộng gốc và lãi bà Tâm yêu cầu ông Thanh cùng bà My liên đới trả cho bà Tâm là 1.027.454.640đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Tâm cung cấp: Văn bản ngày 20.4.2021 có nội dung N T M có mượn của chị Tâm 33.970.000đ; văn bản ngày 26.4.2021 có nội dung tôi tên N T M có mượn của chị Tâm 250.000.000đ; văn bản ngày 26.4.2021 có nội dung tôi N T M có mượn của chị Tâm 250.000.000đ; văn bản ngày 26.4.2021 có nội dung N T M có mượn của chị Tâm 390.000.000đ (Tất cả bản gốc).

- *Tại bản tự khai ngày 11/5/2022, bị đơn bà N T M trình bày:* Bà My thừa nhận có vay của bà Tâm vào ngày 13/3/2021 với số tiền là 60.000.000đ và 71.000.000đ, tổng cộng là 131.000.000đ với lãi suất 15.000đ/1 ngày. Do không có khả năng trả nợ nên bà Tâm bắt bà My ký nhận nợ lãi cộng với gốc với số tiền là 1.125.500.000đ. Nay bà Tâm khởi kiện, bà My đồng ý trả mỗi tháng 20.000.000đ cho đến khi hết nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà My không cung cấp tài liệu hay chứng cứ gì cho Tòa án.

- Bị đơn bà N T M và ông H T T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Riêng ông Thanh không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà My và ông Thanh theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn bà N T M và ông H T T:* Bà My và ông Thanh được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà My và ông Thanh.

[3] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà L T P T:* Bà Tâm khởi kiện yêu cầu bà My và ông Thanh liên đới trả gốc và lãi của bốn lần vay vào năm 2021 với số tiền là 1.027.454.640đ phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào các văn bản: Văn bản ngày 20.4.2021 có nội dung N T M có mượn của chị Tâm 33.970.000đ; văn bản ngày 26.4.2021 có nội dung tôi tên N T M có mượn của chị Tâm 250.000.000đ; văn bản ngày 26.4.2021 có nội dung tôi N T M có mượn của chị Tâm 250.000.000đ; văn bản ngày 26.4.2021 có nội dung N T M có mượn của chị Tâm 390.000.000đ tất cả có chữ ký và viết họ tên N T M. Do đó, năm 2021 bà My có vay của bà Tâm 04 lần với tổng số tiền gốc là 923.970.000đ là có căn cứ. Việc bà My thừa nhận vào ngày 13/3/2021, có vay của bà My 02 lần với số tiền là 131.000.000đ và sau đó bị bà My bắt ký giấy nợ với số tiền 1.125.500.000đ là không có căn cứ, do bà My không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của bà My. Bên cạnh đó, ông Thanh không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của bà Tâm, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc bà My vay tiền của bà Tâm để mua bán lúa phục vụ phát triển kinh tế của gia đình, ông Thanh là chồng của bà My phải có nghĩa vụ cùng bà My trả số tiền còn nợ gốc và lãi cho bà Tâm.

[4] *Về thời gian tính lãi, mức lãi suất:* Căn cứ vào văn bản ngày 20.4.2021 và 03 văn bản ngày 26.4.2021 cùng không thể hiện mức lãi suất vay. Bà Tâm yêu cầu mức lãi suất là 0,8%/tháng, thời hạn tính lãi lần lượt của bốn lần vay cùng là 14 tháng là trong hạn bà My không trả lãi cho bà Tâm cũng như bà My vi phạm thời hạn trả tiền vay cho bà Tâm là phù hợp với Điều 440 và 468 Bộ

luật dân sự. Nên bà My và ông Thanh phải có nghĩa vụ trả lãi cho bà Tâm lần lượt của bốn lần vay là 3.804.640đ, 28.000.000đ, 28.000.000đ, 43.680.000đ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L T P T đối với bà N T M và ông H T T.

[5] *Về án phí*: Bà bà N T M và ông H T T phải chịu 36.000.000đ + (227.454.640đ x 3%) = 42.823.639đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà L T P T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Tâm 10.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010953 ngày 06/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L T P T đối với bà N T M và ông H T T.

Buộc bà N T M và ông H T T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L T P T số tiền 1.027.454.640đ (Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà bà N T M và ông H T T phải chịu 42.823.639đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà L T P T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Tâm 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010953 ngày 06/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Trường Thọ